

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ,
chênh lệch LNST BCTC kiểm toán năm 2017
so với BC tự lập cùng kỳ và chênh lệch lợi
nhuận so với năm trước”

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2019

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty cổ phần ASA

Mã chứng khoán: ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 024 63275775

Website: asacorp.com.vn

Email: info@asacorp.com.vn

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Do chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán nên chúng tôi không thể tham gia giám sát kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm cuối ngày 31/12/2017, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa thể xác định được tính chính xác của các số liệu này, do vậy số liệu trên báo cáo tài chính chúng tôi căn cứ vào số liệu trên sổ sách của đơn vị;

Giải thích: Do thời điểm kiểm toán và thời điểm kết thúc niên độ quá xa nên đơn vị kiểm toán không thể thực hiện thủ tục kiểm kê các khoản mục tài sản của Công ty.

- Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được đối chiếu, xác nhận. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi chưa thể xác định được tính chính xác, hiện hữu của các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2017, và tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi cũng chưa nhận được sự phản hồi về các khoản công nợ này từ phía khách hàng.

Giải thích: Do đến thời điểm hiện tại, Công ty không còn thực hiện giao dịch với các đơn vị đối tác có số dư công nợ tại ngày 31/12/2017 nên việc đối chiếu công nợ gặp nhiều khó khăn.

- Với thực tế kiểm toán viên quan sát việc thuê kho của đơn vị, chúng tôi chưa thấy chi phí thuê kho có liên quan được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Do vậy, chúng tôi thấy rằng khả năng chi phí thuê kho đơn vị chưa được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giải thích: Hiện các đơn vị cung cấp hàng hóa cho Công ty đang hỗ trợ việc thuê kho và trả chi phí thuê nên chi phí thuê kho Công ty không hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

2. Về chênh lệch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với báo cáo tài chính đơn vị tự lập cùng kỳ.

Chỉ tiêu	BCTC Quý 4/2017 đơn vị lập	BCTC 2017 kiểm toán
LNST trên BCKQKD (VND)	394.259.948	-854.526.876



Giải thích: Do trong quá trình tổng hợp tài liệu và hồ sơ kế toán, kế toán của Công ty không phản ánh đúng các chi phí khác và một số khoản mục khác dẫn đến việc sai lệch trong khi tổng hợp kết quả kinh doanh của Công ty.

3. Về chênh lệch lợi nhuận sau thuế quá 5% so với năm trước.

So với năm 2016, doanh thu của Công ty giảm mạnh từ 151 tỷ đồng xuống còn 71,7 tỷ đồng, đồng thời, các chi phí hoạt động của Công ty cũng tăng như: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 957,9 triệu đồng lên hơn 1 tỷ đồng, Chi phí khác tăng từ 200 triệu đồng lên 801,7 triệu đồng khiến lợi nhuận của Công ty sụt giảm đáng kể.

Nơi gửi:

1. Như kính gửi;
2. Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Kiên





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Năm 2017

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 • Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Năm 2017

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 - 38205.947; Fax:(028). 38205.942

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	11 – 30

3305
CQ
TRÁCH
NICH
AI CH
VÀ K
PH
1 - T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần ASA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ Phần ASA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500471991 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 06 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Bán buôn thủy sản: thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua...), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc...), động vật không xương sống khác sống dưới nước;

Trụ sở chính tại: Ấp Kim Ngưu, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông **Vũ Đình Hưng** Thành viên - Chủ tịch hội đồng quản trị từ ngày 27/11/2018

Ông **Đỗ Đình Sơn Tùng** Thành viên từ ngày 27/11/2018

Ông **Chu Minh Tuấn** Thành viên từ ngày 27/11/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông **Phạm Trung Kiên** Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà **Nguyễn Thị Tố Loan** Thành viên từ ngày 27/11/2018

Bà **Trần Thúy Quỳnh** Thành viên từ ngày 27/11/2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

01172
NG T
HIỆM HỮ
VU T
KIẾ
M TO
A NAM
PHỐ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2019.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Trung Kiên



Số: 553./BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(Về Báo cáo tài chính năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
của Công ty Cổ Phần ASA)**Kính gửi: - Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần ASA****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần ASA được lập ngày 10 tháng 06 năm 2019 từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

- Do chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán nên chúng tôi không thể tham gia giám sát kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm cuối ngày 31/12/2017, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa thể xác định được tính chính xác của các số liệu này, do vậy số liệu trên báo cáo tài chính chúng tôi căn cứ vào số liệu trên sổ sách của đơn vị;
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được đối chiếu, xác nhận. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi chưa thể xác định được tính chính xác, hiện hữu của các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2017, và tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chúng tôi cũng chưa nhận được sự phản hồi về các khoản công nợ này từ phía khách hàng.
- Với thực tế kiểm toán viên quan sát việc thuê kho của đơn vị, chúng tôi chưa thấy chi phí thuê kho có liên quan được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị. Do vậy, chúng tôi thấy rằng khả năng chi phí thuê kho đơn vị chưa được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần ASA tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác: Chúng tôi xin lưu ý thực tế văn phòng làm việc chính của công ty được đặt tại văn phòng giao dịch Công ty Cổ phần ASA số 195 Đinh Công Hạ, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2019
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



P. Tổng Giám đốc

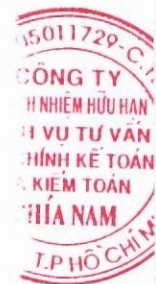
Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3		5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		39.338.706.994	68.814.799.473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.107.546.219	3.086.424.913
1. Tiền	111	V.1	2.107.546.219	3.086.424.913
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.168.563.276	45.985.889.563
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.563.432.924	41.511.536.555
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	2.110.396	205.134.893
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	2.500.000.000	3.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4b	103.019.956	469.218.115
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		15.729.131.936	19.536.889.516
1. Hàng tồn kho	141	V.6	15.729.131.936	19.536.889.516
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		333.465.563	205.595.481
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			205.595.481
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	333.465.563	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		71.922.367.256	74.194.899.908
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			70.000.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4c		70.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.922.367.256	4.126.939.463
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.897.617.256	4.006.189.463
- Nguyên giá	222		7.711.867.625	10.873.547.084
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.814.250.369)	(6.867.357.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	24.750.000	120.750.000
- Nguyên giá	228		222.000.000	210.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(197.250.000)	(89.250.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	70.000.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		70.000.000.000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			67.960.445
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			67.960.445
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		111.261.074.250	143.009.699.381

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3		5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.601.532.749	38.504.631.004
I. Nợ ngắn hạn	310		7.601.532.749	38.504.631.004
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.575.276.130	35.242.518.772
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			234.082.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	578.760.339	111.116.529
4. Phải trả người lao động	314	V.11		175.600.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	292.963.792	1.177.558.993
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13		1.282.949.748
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322		154.532.488	280.804.562
II. Nợ dài hạn	330			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		103.659.541.501	104.505.068.377
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	103.659.541.501	104.505.068.377
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		597.828.710	597.828.710
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.061.712.791	3.907.239.667
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.907.239.667	2.104.612.341
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		(845.526.876)	1.802.627.326
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		111.261.074.250	143.009.699.381

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Hà Huyền Trang

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Văn Hùng

Lập, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)




TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Kiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	71.766.226.478	151.168.043.001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			79.936.251
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		71.766.226.478	151.088.106.750
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	70.050.510.592	146.879.745.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.715.715.886	4.208.361.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	237.078.796	5.494.434
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	70.314.402	161.590.045
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.386.092	143.834.529
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	510.815.859	767.963.228
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	1.054.432.131	957.969.886
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		317.232.290	2.326.332.287
11. Thu nhập khác	31	VI.5	106.296.020	169.372.907
12. Chi phí khác	32	VI.6	801.771.343	200.503.982
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(695.475.323)	(31.131.075)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(378.243.033)	2.295.201.212
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	467.283.843	492.573.886
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.11	(845.526.876)	1.802.627.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(85)	180

Lập, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)


Hà Huyền Trang


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Văn Hùng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(378.243.033)	2.295.201.212
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		464.130.941	565.537.479
- Các khoản dự phòng	03			(363.874.746)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		37.907.924	(13.630.724)
- Chi phí lãi vay	06		68.386.092	143.834.529
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		192.181.924	2.627.067.750
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		94.680.973.408	(20.134.594.773)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.807.757.580	5.710.169.160
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(31.702.200.183)	16.375.485.920
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		67.960.445	2.707.310
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(68.386.092)	(143.834.529)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(841.812.915)	(459.270.290)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.323.518.091	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		68.459.992.258	3.977.730.548
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(740.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.607.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(3.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(70.000.000.000)	(10.001.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			10.001.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		237.078.796	5.494.434
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68.155.921.204)	(4.534.505.566)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.007.804.239	3.523.992.616
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.290.753.987)	(4.416.782.440)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.044.617.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.282.949.748)	(1.937.407.524)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(978.878.694)	(2.494.182.542)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.086.424.913	5.580.607.455
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	2.107.546.219	3.086.424.913

Lập, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ha Huyền Trang

Trần Văn Hùng
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phạm Trung Kiên
TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần ASA được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500471991 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Cổ phần thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 06 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn)

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Bán buôn thủy sản: thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến như cá, động vật giáp xác (tôm, cua...), động vật thân mềm (mực, bạch tuộc...), động vật không xương sống khác sống dưới nước;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Kỳ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.



3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.1 Các khoản chi vay: Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

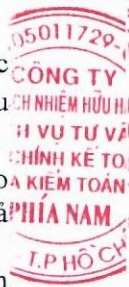
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

5.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.



Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

6.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần



công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- 12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

- 13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý



doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. TIỀN	2.065.404.619	2.617.825.664
* Tiền mặt	35.363.672	468.599.249
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.386.610	3.402.909
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	8.031.214	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.407.076	2.028.626
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	5.931.086	4.236.128
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.000.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Á	1.021.608	127.213.029
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.723.962	11.065.750
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	862.116	320.652.807
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Tân Quý	6.777.928	
* Tiền gửi ngân hàng (USD)	6.777.928	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.777.928	
Cộng	2.107.546.219	3.086.424.913

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
- Mua cổ phần của công ty CP ICT Thanh Bình	70.000.000.000		70.000.000.000	
Cộng	70.000.000.000		70.000.000.000	

Ghi chú (*): Đây là khoản mua 7 triệu cổ phần của Công ty CP ITC Thanh Bình (Công ty nhận chuyển nhượng từ cá nhân là Ông Lê Hữu Thường theo Nghị quyết số 28/2017/QĐ-HĐQT/ASA ngày 22/9/2017 và nghị quyết số 43/2017/QĐ-HĐQT/ASA ngày 22/9/2017 của Chủ tịch hội đồng quản trị công ty thông qua việc mua 7 triệu cổ phần của công ty CP ICT Thanh Bình)



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

* Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Bùi Việt Lâm	3.069.082.000	3.737.448.000
- Vương Đình Học	4.201.258.000	21.232.997.500
- Bùi Thu Hiền	4.842.166.400	16.541.091.055
- Nguyễn Khắc Thành	6.060.150.000	
- Công ty Cổ Phần Thiết Bị và Xây Lắp Công Nghiệp		
- Công ty TNHH SX Công nghiệp Đại Việt	390.776.524	
- Các khách hàng khác		
Cộng	18.563.432.924	41.511.536.555

4. PHẢI THU KHÁC

a/ Phải thu về cho vay ngắn hạn

- Ông Nguyễn Đức Trung
- Ông Phạm Trung Kiên (*)

b/ Phải thu khác ngắn hạn

- Tạm ứng
- BHXH nộp thừa
- Phải thu khác

c/ Phải thu khác dài hạn

- Công ty Cp Hoàng Gia
- Công ty Cp Kỹ Nghệ Việt Nga
- Công ty TNHH TM Sana

d/ Phải thu của các bên có liên quan

- Ông Phạm Trung Kiên

Cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự Phòng
a/ Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.500.000.000		3.800.000.000	
- Ông Nguyễn Đức Trung	2.500.000.000		3.800.000.000	
- Ông Phạm Trung Kiên (*)	103.019.956		469.218.115	
b/ Phải thu khác ngắn hạn		103.019.956		39.018.115
- Tạm ứng		103.019.956		39.018.115
- BHXH nộp thừa				
- Phải thu khác				
c/ Phải thu khác dài hạn			70.000.000.000	
- Công ty Cp Hoàng Gia			20.000.000.000	
- Công ty Cp Kỹ Nghệ Việt Nga			10.000.000.000	
- Công ty TNHH TM Sana			40.000.000.000	
d/ Phải thu của các bên có liên quan	2.500.000.000			
- Ông Phạm Trung Kiên	2.500.000.000			
Cộng	2.603.019.956		74.269.218.115	

Ghi chú (*): Đây là khoản cho Phạm Trung Kiên vay theo hợp đồng số 25/12/2016 - VND, số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 3 tháng, lãi suất 10%/năm, hình thức bảo đảm là tín chấp.



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

* Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Dksh Việt Nam
- Công ty TNHH Hóa Chất Ptn
- Công ty Hóa Chất Mkvn
- Công ty TNHH Huhtamaki (Việt Nam)
- Công ty TNHH Phong Nam

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
2.110.396	205.134.893
	96.074
400.000	1.001.500
1.710.396	2.598.407
	19.310.464
	182.128.448
2.110.396	205.134.893

6. HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Hàng hóa
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Thành phẩm

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
4.578.636.286		5.865.717.494	
16.000.000			
9.790.785.661		12.848.342.029	
		17.620.596	
1.343.709.989		805.209.397	
15.729.131.936		19.536.889.516	



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

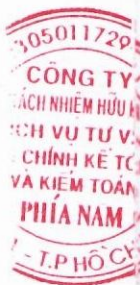
Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.938.230.357	4.856.949.334	2.994.965.459	83.401.934	10.873.547.084
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCB hoàn thành		154.714.000	2.994.965.459		3.149.679.459
- Tặng khác				12.000.000	12.000.000
- Chuyển sang bất động sản đầu		4.702.235.334		71.401.934	7.711.867.625
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác		4.247.361.339	1.131.288.001	83.401.934	6.867.357.621
Số dư cuối năm	2.938.230.357	4.702.235.334	123.236.192		368.130.941
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.405.306.347	4.247.361.339	1.131.288.001		1.409.238.193
- Khấu hao trong năm	130.848.876	114.045.873	123.236.192		12.000.000
- Tặng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu		154.714.000	1.254.524.193		1.409.238.193
- Thanh lý, nhượng bán				12.000.000	12.000.000
- Giảm khác		4.206.693.212		71.401.934	5.814.250.369
Số dư cuối năm	1.536.155.223	4.206.693.212			4.006.189.463
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.532.924.010	609.587.995	1.863.677.458		1.897.617.256
2. Tại ngày cuối năm	1.402.075.134	495.542.122			



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

8. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm				210.000.000	210.000.000
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng do hợp nhất kinh doanh					
- Tặng khác				12.000.000	12.000.000
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm				222.000.000	222.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm				89.250.000	89.250.000
- Khấu hao trong năm				96.000.000	96.000.000
- Tặng khác					
- Thanh lý, nhượng bán				12.000.000	12.000.000
- Giảm khác					
Số dư cuối năm				197.250.000	197.250.000
Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm				120.750.000	120.750.000
2. Tại ngày cuối năm				24.750.000	24.750.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả người bán	4.603.055.038	4.603.055.038	33.189.956.294	33.189.956.294
- Công ty TNHH TM Sana	4.603.055.038	4.603.055.038	4.983.646.294	4.983.646.294
- Công ty CP Đá Split			22.404.250.000	22.404.250.000
- Công ty TNHH Thạch Phát Phú Thọ			5.802.060.000	5.802.060.000
* Khách hàng khác	1.972.221.092	1.972.221.092	2.052.562.478	2.052.562.478
Cộng	6.575.276.130	6.575.276.130	35.242.518.772	35.242.518.772

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
- Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa		17.918.170	604.291.672	222.973.535		381.318.137
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		41.063.509	467.283.843	17.918.170		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		52.134.850		841.812.915	333.465.563	
- Thuế thu nhập cá nhân				52.134.850		
- Thuế môn bài			4.000.000	4.000.000		
- Các loại thuế khác			376.807.973	179.365.771		197.442.202
Cộng	111.116.529		1.452.383.488	1.318.205.241	333.465.563	578.760.339

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế (ngày 15/5/2018 Cục Thuế TP Hà Nội đã có biên bản thanh tra thuế từ năm 2015; 2016 và 2017)



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
175.600.000	175.600.000

12. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

- CN Công ty TNHH TM Sana

- Cổ tức 2015 còn phải trả

- Thù lao 2015 còn phải trả

- Phải trả BHXH

- Phải trả BHYT

- Phải trả BHYTN

- Phải trả BHTNLD

- Lãi chậm nộp

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
162.743.125	1.080.976.693
6.577.751	5.382.300
13.672.250	91.200.000
6.458.065	
103.512.601	
292.963.792	1.177.558.993

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

* Vay dài hạn

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam -

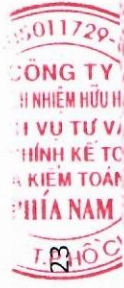
Sở giao dịch

- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đông

Nam Á - CN Đống Đa - PGD Kim Liên

Cộng

Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		2.007.804.239	3.036.729.945	1.028.925.706	1.028.925.706
			254.024.042	254.024.042	254.024.042
2.007.804.239	3.290.753.987	3.290.753.987	1.282.949.748	1.282.949.748	1.282.949.748



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000		597.828.710		3.245.812.341	103.843.641.051
- Tăng vốn trong năm trước						
- Lãi trong năm trước						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm trước						
- Lỗ trong năm trước						
- Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000		597.828.710		3.907.239.667	104.505.068.377
- Tăng vốn trong năm nay						
- Lãi trong năm nay						
- Tăng khác						
- Giảm vốn trong năm nay						
- Lỗ trong năm nay						
- Giảm khác (*)						
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000		597.828.710		3.061.712.791	103.659.541.501



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)			
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ	Năm nay	Năm trước
- Vốn chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	294,50	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	71.766.226.478	151.168.043.001
Cộng	71.766.226.478	151.168.043.001

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	70.050.510.592	146.879.745.738
Cộng	70.050.510.592	146.879.745.738

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	237.078.796	5.494.434
Cộng	237.078.796	5.494.434

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	68.386.092	143.834.529
- Chi phí tài chính khác	1.928.310	17.755.516
Cộng	70.314.402	161.590.045

5. THU NHẬP KHÁC	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		8.136.290
- Các khoản khác	106.296.020	161.236.617
Cộng	106.296.020	169.372.907

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

6. CHI PHÍ KHÁC

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các khoản bị phạt
- Các khoản khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
274.986.720	
460.080.015	200.000.000
66.704.608	503.982
801.771.343	200.503.982

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí dụng cụ bán hàng
- Chi phí khấu hao bộ phận bán hàng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
119.924.500	213.777.469
4.297.578	11.643.978
133.650.135	155.819.981
80.032.085	170.003.993
172.911.561	216.717.807
510.815.859	767.963.228

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí khấu hao bộ phận quản lý
- Chi phí dự phòng
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
425.563.537	777.189.295
10.030.761	13.064.131
155.161.820	282.105.482
	(363.874.746)
24.775.657	5.499.500
216.900.320	202.466.827
222.000.036	41.525.397
1.054.432.131	957.969.886

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí dự phòng
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
3.295.325.162	3.925.541.070
792.081.009	1.474.847.349
464.130.941	565.537.479
344.342.657	442.565.801
	(363.874.746)
592.058.751	302.723.454
5.487.938.520	6.347.340.407

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
120.507.371	492.573.886
346.776.472	
467.283.843	492.573.886

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
(845.526.876)	1.802.627.326
(845.526.876)	1.802.627.326
10.000.000	10.000.000
(85)	180

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

11. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	(378.243.033)	2.295.201.212
b- Các khoản điều chỉnh tăng	460.080.015	200.503.982
c- Các khoản điều chỉnh giảm		
- Chênh lệch lỗ tỷ giá đánh giá lại khoản công nợ phải trả		
d- Lỗ năm trước chuyển sang		32.835.763
e- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c-d)	81.836.982	2.462.869.431
f- Thuế TNDN phải nộp	120.507.371	492.573.886
g- Thuế TNDN truy thu năm trước	346.776.472	
h- Thuế TNDN còn phải nộp	467.283.843	492.573.886
i- Lợi nhuận sau thuế TNDN (i=a-h)	(845.526.876)	1.802.627.326

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:**

Trong năm 2017, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Phạm Trung Kiên	Tổng Giám đốc	Vay tiền Công ty	2.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các khoản phải thu khác, phải trả khác của các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phạm Trung Kiên	Tổng giám đốc	Phải thu khác	2.500.000.000	

2- Về báo cáo bộ phận

Công ty có hoạt động kinh doanh trên hai địa bàn chủ yếu là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

Chỉ tiêu	Thành phố Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng
A- Kết quả			
1- Doanh thu thuần	70.445.997.384	1.320.229.094	71.766.226.478
2- Chi phí	68.842.537.468	1.207.973.124	70.050.510.592
- Chi phí phân bổ trực tiếp	68.842.537.468	1.207.973.124	70.050.510.592
- Chi phí lãi vay			
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.603.459.916	112.255.970	1.715.715.886
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	111.211.442.615	49.631.635	111.261.074.250
C- Nợ phải trả của bộ phận	7.601.532.749		7.601.532.749
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ			
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả	464.130.941		464.130.941
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	464.130.941		464.130.941
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước			

CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

3- Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách			Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2016
Tài sản tài chính							
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.107.546.219	3.086.424.913			2.107.546.219		3.086.424.913
- Phải thu của khách hàng	18.563.432.924	41.511.536.555			18.563.432.924		41.511.536.555
- Phải thu ngắn hạn khác	103.019.956	469.218.115			103.019.956		469.218.115
Cộng	20.773.999.099	45.067.179.583			20.773.999.099		45.067.179.583
Nợ phải trả tài chính							
- Vay và nợ ngắn hạn		1.282.949.748					1.282.949.748
- Phải trả người bán	6.575.276.130	35.242.518.772			6.575.276.130		35.242.518.772
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	292.963.792	1.177.558.993			292.963.792		1.177.558.993
Cộng	6.868.239.922	37.703.027.513			6.868.239.922		37.703.027.513

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đốc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN ASA

Địa chỉ: Ấp Kim Ngưu, Xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.107.546.219		2.107.546.219
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.666.452.880		18.666.452.880
Đầu tư ngắn hạn			
Đầu tư dài hạn		70.000.000.000	70.000.000.000
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	20.773.999.099	70.000.000.000	90.773.999.099
Tại 1/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.086.424.913		3.086.424.913
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.980.754.670		41.980.754.670
Tổng Cộng	45.067.179.583		45.067.179.583

4. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2017 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Hà Huyền Trang

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Văn Hùng

Lập, ngày 10 tháng 06 năm 2019

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Kiên